

# TĂNG CƯỜNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Đào Thị Phương Liên\*

Ngày nhận: 5/8/2014

Ngày nhận bản sửa: 22/9/2014

Ngày duyệt đăng: 5/10/2014

## Tóm tắt

*Bài viết đã phân tích thực trạng thu hút FDI trong nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay; chỉ ra những kết quả đã đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế. Kết hợp với tham khảo kinh nghiệm thu hút FDI vào nông nghiệp của Thái Lan và Malaysia, bài viết đã đề xuất 3 định hướng và 10 giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường thu hút FDI vào nông nghiệp ở Việt Nam, đặc biệt là những giải pháp ưu tiên như: xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương để xúc tiến, mời gọi, lựa chọn các dự án; giao quyền sử dụng đất cho các nhà đầu tư giống như giao quyền sử dụng đất cho nông dân theo quy định của pháp luật; coi trọng bảo hộ sở hữu trí tuệ của các nhà đầu tư; mở rộng chính sách bảo hiểm nông nghiệp nhằm tạo niềm tin cho các nhà đầu tư...*

**Từ khóa:** Đầu tư trực tiếp nước ngoài, nông nghiệp, nông thôn, vốn.

## 1. Đặt vấn đề

Khu vực nông nghiệp, nông thôn có vị trí rất quan trọng trong đảm bảo sự ổn định kinh tế - xã hội, tạo nền tảng phát triển bền vững. Trong chiến lược phát triển, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đầu tư nhằm xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Nghị quyết của Đảng qua các kỳ đại hội đều khẳng định chú trọng, quan tâm đầu tư cho nông nghiệp thông qua các nguồn vốn khác nhau. Sau khủng hoảng 2008, Việt Nam đang tái cấu trúc nền kinh tế. Quá trình tái cấu trúc toàn bộ nền kinh tế quốc dân đòi hỏi việc tái cơ cấu nền nông nghiệp phải đạt tiến độ nhanh hơn, mạnh hơn theo hướng phát triển nông nghiệp toàn diện, hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn. Muốn vậy phải tăng cường đầu tư cho nông nghiệp.

Tuy nhiên, hiện nay, tốc độ tăng đầu tư cho nông nghiệp chỉ đạt 3,2% - 3,4%/năm, chưa tương xứng với vai trò quan trọng và sự đóng góp của nông

nghiệp cho nền kinh tế quốc dân và thấp xa so với tiềm năng của nông nghiệp Việt Nam. Trên thực tế, đầu tư cho nông nghiệp hiện nay mới chỉ đáp ứng được 55% - 60% yêu cầu. Hiện nay, nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp vẫn chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, việc huy động nguồn vốn đầu tư của toàn xã hội còn hạn chế. Do thiếu vốn nên nông nghiệp Việt Nam gặp khá nhiều khó khăn trong quá trình phát triển như: cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp lạc hậu dẫn đến năng suất lao động của khu vực này rất thấp; việc mở rộng các ngành, các lĩnh vực sản xuất trong nông nghiệp gặp nhiều khó khăn và diễn ra chậm chạp; nguồn nhân lực trong khu vực nông nghiệp tuy dồi dào, nhưng chất lượng thấp...

Trước tình hình như vậy, việc tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào nông nghiệp sẽ giải bài toán “khát vốn” cho ngành, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 7 khóa X “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”.

## 2. Thực trạng FDI trong nông nghiệp ở Việt Nam

Theo Tổng cục Thống kê, trong giai đoạn 2011-2013, nguồn vốn FDI đăng ký mới của cả nước liên tiếp tăng lên. Nếu như năm 2011 FDI mới là 15,6 tỷ USD thì năm 2012 đã tăng lên 16,3 tỷ USD. Đến năm 2013, con số này tăng mạnh, đạt mức 21,6 tỷ USD (Viện Chiến lược và chính sách tài chính, 2014).

Tuy nhiên, ngược với bức tranh chung đó, FDI vào nông nghiệp lại liên tục sụt giảm. Cụ thể: nếu năm 2011, FDI vào nông nghiệp là 130,7 triệu USD nhưng năm 2012 chỉ còn 99,35 triệu USD và năm 2013 giảm tiếp xuống còn 86,73 triệu USD. Đó là những tính toán dựa trên con số tuyệt đối. Nếu tính tỷ lệ % FDI vào nông nghiệp trên tổng số vốn FDI vào Việt Nam thì tốc độ suy giảm còn cao hơn. Cách đây 15 năm, vốn FDI vào nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 15% trong tổng vốn đầu tư FDI của cả nền kinh tế. Tuy nhiên, trong 3 năm gần đây, con số này không đạt đến 1%. Gần đây nhất, tính riêng 4 tháng đầu năm 2014, vốn FDI vào nông nghiệp chỉ chiếm 0,25% tổng số vốn FDI vào Việt Nam (Nguyễn Hạnh, 2014).

**Về quy mô**, hầu hết các dự án đầu tư vào nông nghiệp đều là các dự án có quy mô nhỏ: Nếu như quy mô vốn đầu tư bình quân một dự án FDI vào khoảng 14,7 triệu USD thì một dự án FDI nông nghiệp chỉ chưa tới 6,6 triệu USD. Trong khi đó, bình quân một dự án kinh doanh bất động sản là 130

triệu USD, dự án trong lĩnh vực điện, khí khoảng 92,6 triệu USD và dự án trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng khoảng 17,6 triệu USD (Phương Ly, 2013).

**Về ngành nghề**, hầu hết các dự án FDI chỉ tập trung vào một số ngành như chăn nuôi, trồng rừng và chế biến gỗ bởi vì đây là các dự án có khả năng thu hồi vốn nhanh. Trong ngành chăn nuôi thì chế biến thức ăn chiếm 94% vốn đầu tư; chỉ 4-5% vốn đầu tư vào nghiên cứu và phát triển con giống và 1% cho chăn nuôi gia súc, gia cầm. Trồng rừng, chế biến gỗ và lâm sản, thủy sản chiếm khoảng 78% tổng vốn FDI vào nông nghiệp (Phương Ly, 2013). Đây là hướng đi thiếu bền vững trong thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp và lành mạnh hóa thị trường kinh doanh nông sản.

**Về đối tác**, ngành nông nghiệp Việt Nam chưa thu hút được các nhà đầu tư đến từ các nước có nền nông nghiệp phát triển như Mỹ, Úc, Pháp, Canada,... Trong số hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án FDI đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam thì các nước trong khu vực châu Á thì chiếm tới 70% tổng vốn đăng ký; đặc biệt, trên 1/3 tổng vốn đăng ký đến từ Đài Loan và Hồng Kông (Phương Ly, 2013).

**Về hình thức đầu tư**, FDI trong lĩnh vực nông nghiệp được thực hiện chủ yếu dưới hai hình thức 100% vốn đầu tư nước ngoài (chiếm 75,6%) và liên doanh (chiếm 21,2%), chỉ có một số rất ít được thực hiện dưới các hình thức khác (3%). Trong đó, nhà

**Bảng 1: Vốn FDI vào nông nghiệp so với tổng vốn FDI cả nước qua các năm**

Năm	Vốn FDI vào nông nghiệp (Triệu USD)	Tổng số vốn FDI của cả nền kinh tế (Triệu USD)	Vốn FDI nông nghiệp/vốn FDI cả nền KT (%)
2001	214,3	3.265	6,56%
2002	171,4	2.993	5,73%
2003	178,3	3.172	5,62%
2004	380,2	4.534	8,38%
2005	148,9	6.840	2,18%
2006	161,6	12.004	1,35%
2007	286,8	21.348	1,34%
2008	332,0	71.726	0,46%
2009	84,9	23.107	0,37%
2010	36,2	19.886	0,18%
2011	130,7	15.518	0,84%
2012	99,35	16.348	0,61%
2013	86,73	21.600	0,4%

Nguồn: Viện Chiến lược và chính sách tài chính, 2014

đầu tư đến từ các nước có nền nông nghiệp phát triển thường có xu hướng chọn hình thức liên doanh, các nhà đầu tư đến từ các nước và vùng lãnh thổ trong khu vực châu Á lại có xu hướng chọn hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài (Phuong Ly, 2013).

*Về địa bàn*, hiện nay, cạnh tranh giữa các địa phương với nhau trong việc mời gọi đầu tư vào nông nghiệp khá quyết liệt. Có thể thấy rằng, những địa phương thuộc khu vực Đông Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, như: Bình Dương, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh... là những tỉnh có nguồn vốn đầu tư FDI lớn nhất so với các khu vực khác trong cả nước (chiếm tỷ lệ 28,7%), bởi vì đây là những tỉnh có lợi thế về vùng nguyên liệu, có điều kiện thuận lợi về thổ nhưỡng, khí hậu. Các địa bàn khác như: Tây Nguyên 21%; Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung 17,1%; đồng bằng sông Cửu Long 17,1%; trung du và miền núi phía Bắc 7,6%; đồng bằng sông Hồng 8,2% (Trung Ngọc, Văn Hai và Quốc Vinh, 2013). Nhiều địa phương thuộc khu vực miền núi và tỉnh nghèo phía Bắc như: Sơn La, Lai Châu, Bắc Kạn... vẫn đang là “vùng trũng” có mức chênh lệch quá lớn so với các trung tâm kinh tế về số dự án FDI cũng như khoản vốn FDI (Chu Tiến Quang và Hà Huy Ngọc, 2011).

## **2.1. Đánh giá chung**

### *2.1.1. Kết quả đạt được*

+ Năm 2013, Việt Nam xuất khẩu nông sản rất mạnh, đem về 28,5 tỉ đô la Mỹ. Thành quả này không chỉ nhờ nỗ lực của nông dân và doanh nghiệp trong nước, mà còn có vai trò quan trọng của các doanh nghiệp nước ngoài (FDI) trong việc đầu tư vốn, công nghệ và mở rộng thị trường tiêu thụ (Thủy Dung, 2014).

+ Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn đang chuyển dịch theo hướng tích cực hơn, tạo nhiều cơ hội về việc làm cho nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng nguồn thu cho ngân sách.

+ Sự tham gia của các doanh nghiệp FDI vào nông nghiệp góp phần thúc đẩy quá trình thương mại hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Với cách thức điều hành và quản lý doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, việc ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm ngày càng trở nên phổ biến, cùng với kỹ năng, bí quyết, phương pháp canh tác, tiêu chuẩn vệ sinh, khả năng tiếp cận tín dụng, tiếp cận thị trường... của nông dân Việt Nam cũng được cải thiện đáng kể. Chính những điều này giúp người

nông dân Việt Nam thoát ra khỏi hoạt động sản xuất truyền thống để bước dần vào nền kinh tế thị trường toàn cầu.

+ Góp phần cải thiện công nghệ của Ngành: Nếu như trước đây, sản xuất nông nghiệp chủ yếu là lao động chân tay, công cụ lao động thủ công, nửa cơ khí, máy móc thô sơ vẫn là phổ biến, thì nhờ có đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhiều công nghệ mới được chuyển giao vào nông nghiệp. Ví dụ: dây chuyền chế biến thịt của Úc, dây chuyền sản xuất bột mì của Singapore, dây chuyền xay xát gạo của Nhật Bản, dây chuyền chế biến thức ăn gia súc của Mỹ, Pháp, Hà Lan, dây chuyền chế biến chè của Nhật, Đài Loan... đã tạo ra những chuyển biến quan trọng, tăng năng lực, hiệu quả sản xuất, tạo khối lượng sản phẩm lớn, có chất lượng và giá trị gia tăng cao.

### *2.1.2. Hạn chế*

+ Chiến lược thu hút FDI dài hạn, định hướng thu hút FDI vào lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp chưa rõ ràng về vị trí, cơ cấu nguồn vốn FDI trong tổng thể các nguồn lực khác nhau, từ đó không xây dựng được quy hoạch nguồn vốn FDI cũng như các dự án cụ thể cần ưu tiên vận động đầu tư.

+ Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thấp. Mặc dù về mặt lý thuyết, cùng một lượng vốn đầu tư, nếu đầu tư vào sản xuất nông nghiệp thì tỷ suất sinh lời sẽ cao hơn so với đầu tư vào công nghiệp nhưng các doanh nghiệp FDI chưa mặn mà với nông nghiệp vì nông nghiệp Việt Nam có độ rủi ro cao, nhất là trong lĩnh vực chăn nuôi, dịch bệnh quá nhiều, đầu ra không ổn định; tỷ lệ bảo hộ thực tế đối với nông sản quá thấp (dưới 3%) so với hàng công nghiệp (có khi lên tới 200%). Hệ thống bảo hiểm nông nghiệp hầu như chưa hoạt động... (Lê Mai Trang và Hà Thị Cẩm Vân, 2013). Thực tế, nhiều trang trại chăn nuôi kinh doanh thua lỗ nên hầu như không có doanh nghiệp FDI nào dám đầu tư vào lĩnh vực này... Đối với các dự án đã được phê duyệt thì nhiều dự án triển khai rất chậm chạp, kinh doanh thua lỗ; khá nhiều dự án tác động nghiêm trọng đến cảnh quan, môi trường tự nhiên...

+ Hiệu quả hoạt động của các dự án FDI trong nông nghiệp chưa cao. Đây là thực trạng của nhiều dự án FDI trong nông nghiệp khi mà các dự án mới chỉ tập trung chủ yếu vào khai thác các tiềm năng, thế mạnh hiện có như đất đai, tài nguyên, lao động mà chưa tập trung đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, tạo hướng phát triển bền vững cho các dự án FDI trong lĩnh vực nông nghiệp.

## 2.2. Nguyên nhân của những hạn chế nói trên:

+ Thiếu quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa và vùng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến làm giảm sức hấp dẫn các doanh nghiệp FDI vào nông nghiệp.

+ Nhiều địa phương vẫn tùy tiện thay đổi quy hoạch, chính sách, tạo sự không ổn định trong môi trường đầu tư, tăng độ rủi ro khi triển khai các dự án.

+ Sự hợp tác giữa nông dân và doanh nghiệp FDI chưa tốt, nông dân vi phạm cam kết hợp đồng về cung ứng nguyên liệu cho doanh nghiệp xảy ra ở nhiều nơi. Tổ chức sản xuất, thu mua, chế biến và tiêu thụ nông sản còn nhiều vấn đề mâu thuẫn, phức tạp, khó xử lý...

+ Kết cấu hạ tầng tại các vùng đầu tư nông nghiệp còn yếu kém, không thuận tiện: Điện mất thường xuyên và mới dùng để thắp sáng là chủ yếu, chưa phục vụ nhiều cho tưới tiêu, sản xuất. Nguồn cung cấp nước sạch cho sinh hoạt ở nông thôn vẫn còn thiếu, chưa nói đến hệ thống cung cấp nước cho sản xuất. Đặc biệt là đối với ngành lâm nghiệp, địa bàn mời gọi FDI chủ yếu phát triển tại các vùng, miền địa hình đồi núi, giao thông vận tải khó khăn khiến nhiều doanh nghiệp FDI e ngại. Tại các địa bàn nông thôn có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tốt thì được ưu tiên để thu hút công nghiệp và dịch vụ, vì thế không còn dư địa cho các dự án nông nghiệp kể cả FDI.

+ Thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách FDI vào lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp chưa đủ sức hấp dẫn đầu tư nước ngoài như: Chính sách về đất đai chưa thuận lợi; quỹ đất dành cho nhà đầu tư tại các địa phương manh mún, nhỏ lẻ thiếu quy hoạch đồng bộ, không đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư; chính sách thuế, thủ tục đầu tư và các chế độ ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp ở các địa phương chưa rõ ràng... Ở tầm vĩ mô, việc có quá nhiều đầu mối liên quan giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN và PTNT), Bộ Công thương... trong khâu phối hợp xét duyệt thủ tục cấp phép đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh... cũng là một trong những nguyên nhân cản trở FDI vào nông nghiệp bởi các nhà đầu tư nản lòng (Đỗ Đức Bình, 2013).

## 3. Kinh nghiệm thu hút FDI vào nông nghiệp của một số quốc gia

### 3.1. Kinh nghiệm của Thái Lan

Thái Lan đặc biệt ưu tiên phát triển nông nghiệp, do vậy hoạt động đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp của Thái Lan luôn dành được những ưu đãi về chính sách đầu tư.

Ở Thái Lan, những ưu đãi về thuế và phi thuế đối với hoạt động đầu tư của nhà đầu tư trong và ngoài nước được quy định như sau:

*Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp*, Thái Lan chia đất nước thành 3 khu vực: Khu vực 1, bao gồm 6 tỉnh, thành phố có thu nhập cao, cơ sở hạ tầng tốt; khu vực 2 gồm 12 tỉnh, cơ sở hạ tầng ở mức trung bình khá; khu vực 3 gồm 58 tỉnh, gồm những tỉnh thuộc địa bàn xa xôi, khó khăn, cơ sở hạ tầng ở mức trung bình và dưới trung bình. 3 khu vực này có mức ưu đãi khác nhau: các dự án vào khu vực 1 được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm; các dự án vào khu vực 2 có thể được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ 3 đến 5 năm; các dự án vào khu vực 3 được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đến 8 năm (ASEAN Investment Guidebook, 2009).

*Ưu đãi về thuế nhập khẩu hàng hóa như máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất*: Các dự án FDI vào khu vực 1, khu vực 2 được giảm 50% thuế nhập khẩu máy móc thiết bị, nếu những máy móc thiết bị này phải chịu mức thuế lớn hơn 10%; khu vực 3 được giảm 100% (ASEAN Investment Guidebook, 2009).

*Đối với nhập khẩu nguyên liệu thô phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu*: khu vực 1, khu vực 2 được miễn thuế trong vòng 1 năm, khu vực 3 được miễn thuế trong 5 năm (ASEAN Investment Guidebook, 2009).

*Ưu đãi về tín dụng*, không hạn chế việc vay vốn của các dự án FDI từ các tổ chức tín dụng, bao gồm các ngân hàng thương mại, tập đoàn tài chính công nghiệp Thái Lan (IFCT), các công ty tài chính, tín dụng, chứng khoán... (ASEAN Investment Guidebook, 2009).

*Chính sách về đất đai, lao động*: Luật Đất đai Thái Lan không cho phép nhà đầu tư, công ty nước ngoài sở hữu đất đai. Tuy nhiên, theo Luật Xúc tiến đầu tư 2011, đối với các công ty mà sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài nhỏ hơn hoặc bằng 50% vẫn có thể sở hữu đất đai. Luật Xúc tiến đầu tư cũng cho phép công dân nước ngoài đến Thái Lan nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư, các dự án đầu tư có thể đem theo các chuyên gia, kỹ sư nước ngoài cùng gia đình của họ... (Lê Nết, 2014).

Về thủ tục hành chính, quy trình đầu tư đều là thủ tục một cửa, đơn giản với những hướng dẫn cụ thể tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư. Chính phủ Thái Lan đã từng bước chuyển từ ưu đãi thuế đơn thuần sang ưu đãi trọn gói, bao gồm cả thuế, lao động, thủ tục cấp phép trong thời gian nhanh nhất, cung ứng lao động và cơ sở hạ tầng cho nhà đầu tư và quan trọng nhất là đơn giản hóa thủ tục hành chính (Lê Nét, 2014).

Thái Lan cũng chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng: hệ thống đường bộ, đường sắt, hệ thống sân bay, bến cảng, khu công nghiệp, kho bãi hiện đại, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Nước này cũng xây dựng thành công hệ thống viễn thông, bưu điện, mạng internet thông suốt cả nước phục vụ cho hoạt động kinh doanh quốc tế.

*Các biện pháp đảm bảo đầu tư:* tháng 10 năm 2000 Thái Lan trở thành thành viên của MIGA (Cơ quan bảo hộ đầu tư đa phương) nhằm bảo hộ các nhà đầu tư nước ngoài tránh những rủi ro chính trị. Thái Lan cũng sớm thông qua các luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu, bản quyền và cũng là thành viên của Công ước Paris, Hiệp định TRIPS về sở hữu trí tuệ liên quan đến hoạt động thương mại.

Hiện nay, Thái Lan là một trong những nước xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới, đặc biệt xuất khẩu gạo đứng đầu thế giới. Nguyên nhân là do Thái Lan biết định hướng vốn FDI vào việc khai thác đặc sản từng vùng, thậm chí cả những vùng khó khăn nhất. Chính sách này đã làm cho nền nông nghiệp Thái Lan có được những lợi thế cạnh tranh cả về chất lượng và giá cả sản phẩm, xây dựng thương hiệu nông sản trên thị trường thế giới.

### **3.2. Kinh nghiệm của Malaysia**

Ở Malaysia, các ưu đãi về thuế đối với hoạt động đầu tư được quy định trong Luật Thuế thu nhập năm 1967, Luật Thuế Môn bài năm 1976, Luật Xúc tiến đầu tư năm 1986. Cụ thể, miễn thuế thu nhập cho doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực nông nghiệp từ 3 đến 5 năm, đối với các dự án trồng rừng được miễn thuế thu nhập trong vòng 10 năm, cho phép chuyển lỗ sang năm sau và trừ vào chi phí trong 5 năm; giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50% trong 5 năm sau thời gian miễn thuế (Nguyễn Tiến Cui, 2008).

Miễn thuế nhập khẩu các máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất mà trong nước chưa sản xuất được; miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.

Cũng giống như Thái Lan, Malaysia thực hiện chính sách “một cửa” đối với hoạt động đầu tư trên toàn lãnh thổ. Cơ quan chính quyền được phê chuẩn, cấp phép đầu tư là Cơ quan Phát triển đầu tư MIDA hoạt động như một đầu mối duy nhất, là trung tâm điều phối đầu tư để giúp chủ đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư cần thiết (Nguyễn Tiến Cui, 2008). Chính sự thống nhất này đã giảm được các thủ tục hành chính chồng chéo, rườm rà, hạn chế nạn quan liêu, tham nhũng, tạo thuận lợi và là yếu tố thu hút hơn nữa nguồn vốn FDI nói chung và FDI vào nông nghiệp nói riêng.

Vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đang rất được các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm. Về vấn đề Malaysia đã tham gia ký kết công ước Paris, Hiệp định TRIPS về sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại; là thành viên của tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO). Malaysia cũng xây dựng hệ thống luật pháp về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bao gồm: Luật về Phát minh, sáng chế 1983 và Quy định về Phát minh sang chế 1996; Luật về Thương hiệu, nhãn hiệu 1976 và quy định về thương hiệu, nhãn hiệu 1997; Luật Bản quyền 1987; Luật về Thiết kế công nghiệp 1996 (Nguyễn Tiến Cui, 2008).

Với những chính sách khuyến khích như vậy, thu hút FDI vào nông nghiệp của Malaysia đạt mức khá cao trong những năm gần đây. Sau khủng hoảng tài chính khu vực năm 1997, FDI vào nông nghiệp của Malaysia tăng đáng kể từ 14 triệu USD năm 2004 lên 98 triệu USD năm 2005 (Nguyễn Tiến Cui, 2008).

### **3.3. Bài học cho Việt Nam**

#### **3.3.1. Sử dụng công cụ thuế trong khuyến khích thu hút các doanh nghiệp FDI vào nông nghiệp**

Các chủ đầu tư khi thâm nhập vào một thị trường mới, mục tiêu hàng đầu của họ là lợi nhuận. Vì vậy, các chính sách ưu đãi khuyến khích là điều đầu tiên mà các nhà đầu tư quan tâm. Thuế là một công cụ thường được dùng trong khuyến khích đầu tư và cả hạn chế đầu tư. Trong thu hút FDI vào nông nghiệp, để khuyến khích các nhà đầu tư, Thái Lan và Malaysia thường chủ trương miễn thuế trong một khoảng thời gian tương đối dài, đủ để cho các dự án đầu tư đi vào hoạt động sản xuất và kinh doanh ổn định. Ví dụ, Thái Lan và Malaysia miễn thuế thu nhập cho doanh nghiệp từ 3 đến 8 năm, các dự án trồng rừng ở Malaysia được miễn thuế trong 10 năm.

#### **3.3.2. Cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo môi**

*trường đầu tư thuận lợi*

Một trong những yếu tố cáo ảnh hưởng lớn đến thu hút FDI nói chung và FDI vào nông nghiệp nói riêng là cải cách thủ tục hành chính đối với hoạt động đầu tư nước ngoài như thủ tục đăng ký, cấp giấy phép đầu tư... Đây cũng là rào cản lớn đối với các nước mà thủ tục đầu tư rườm rà, phức tạp. Ngược lại, những nước tích cực tiến hành cải cách thủ tục hành chính như Thái Lan, Malaysia lại đã đạt được rất nhiều thành công trong thu hút FDI nói chung và thu hút FDI vào nông nghiệp nói riêng.

### *3.3.3. Chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng*

Cơ sở hạ tầng là một trong số các nhân tố tạo nên sự hấp dẫn với FDI nên thực tế cũng cho thấy những quốc gia nào mà cơ sở hạ tầng yếu kém rất khó thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, khi đã không thu hút được đầu tư nước ngoài thì khả năng tạo cơ sở hạ tầng cũng rất hạn chế. Do đó, để phá vỡ cái vòng luẩn quẩn này cần đi trước một bước, tiến hành đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng, đáp ứng yêu cầu FDI đặt ra với lĩnh vực này.

Để thu hút FDI vào nông nghiệp, theo kinh nghiệm của Thái Lan, các lĩnh vực như: hệ thống đường bộ, đường sắt, hệ thống sân bay, bến cảng, khu công nghiệp, kho bãi hiện đại, viễn thông, mạng internet... rất được quan tâm và phát triển nhanh.

### *3.3.4. Quan tâm bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ*

Cả Thái Lan và Malaysia đều rất quan tâm đến việc xây dựng và ban hành các luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu, bản quyền: tham gia Công ước Paris, Hiệp định TRIPS... Đây cũng là vấn đề các nhà đầu tư rất quan tâm khi có ý định thâm nhập vào một thị trường đầu tư mới. Đặc biệt, trong lĩnh vực nông nghiệp, việc bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm, bảo vệ bản quyền phát minh, sáng chế lại càng được các nhà đầu tư quan tâm nhiều hơn.

## **4. Định hướng và khuyến nghị giải pháp thu hút FDI vào nông nghiệp Việt Nam**

### **4.1. Các định hướng cơ bản nhằm tăng cường thu hút vốn FDI vào nông nghiệp ở Việt Nam**

Để vực dậy nguồn vốn FDI vào nông nghiệp, đảm bảo sự tăng trưởng nhanh và bền vững của ngành, tác giả bài viết cho rằng trong thời gian tới thu hút FDI vào nông nghiệp nên tập trung vào các hướng cơ bản sau đây:

#### *4.1.1. Thu hút FDI vào nông nghiệp theo hướng*

*phát triển nền nông nghiệp hàng hóa*

Sau khủng hoảng nền nông nghiệp nước ta cũng đang phải gánh chịu hậu quả chung của nền kinh tế toàn cầu, đó là: tình trạng thất nghiệp gia tăng, thu nhập giảm sút khiến người dân bớt đi nhu cầu “thường thức”. Khi nhu cầu “thường thức” sụt giảm, những sản phẩm nông nghiệp đặc sản sẽ không còn là lựa chọn ưu tiên của người dân. Điều đó lý giải vì sao sản lượng xuất khẩu những mặt hàng thủy, hải sản chủ lực của Việt Nam đều bị giảm mạnh trong những năm qua. Thậm chí, hầu hết các doanh nghiệp kinh doanh, xuất khẩu thủy, hải sản Việt Nam đều lâm vào tình trạng đình trệ sản xuất, nợ nần chồng chất. Ngay cả nhiều nông dân cũng khánh kiệt vì bị doanh nghiệp nợ đọng vốn và lâm vào tình trạng phá sản.

Đặc biệt là lĩnh vực sản xuất lương thực, Việt Nam đang phải đối mặt với tình trạng đô thị hóa nhanh, mạnh và tràn lan ở hầu hết các tỉnh, thành phố. Những thửa ruộng màu mỡ liên tục bị thu hẹp lại, nhường đất cho các ngành công nghiệp, những khu đô thị mọc lên. Sự phát triển quá nóng ấy là nguy cơ rất lớn đe dọa tới tình hình an ninh lương thực chung của cả nước.

Vì vậy, trong điều kiện sức mua giảm do khó khăn chung của tình hình kinh tế thế giới, việc thu hút FDI vào nông nghiệp Việt Nam cần chú trọng tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng chất lượng sản phẩm và sản xuất theo đúng nhu cầu của thị trường. Nâng cao chất lượng sản phẩm trong nông nghiệp là hướng đi đúng để nâng cao giá trị sản phẩm, qua đó nâng cao doanh thu cho ngành nông nghiệp. Khi năng suất và chất lượng sản phẩm được gắn liền với nhau, cùng với đó là chi phí sản xuất được tiết giảm tối đa, sản phẩm nông nghiệp Việt Nam sẽ có tính cạnh tranh cao hơn, giữ được vị trí vững chắc hơn trên thị trường nông sản thế giới.

#### *4.1.2. Thu hút FDI vào nông nghiệp nhằm thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa*

Theo định hướng này, việc thu hút FDI vào nông nghiệp phải bám sát quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; hình thành và phát triển những vùng sản xuất giống chất lượng cao, tập trung và chuyên canh; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học để lai tạo giống, nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và khả năng

cuộc tranh giành của nông sản.

Tranh thủ lợi thế về công nghệ và khoa học tiên tiến của các chủ đầu tư nước ngoài, nhằm xây dựng và triển khai các đề án nâng cao chất lượng quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm đối với nông sản thực phẩm, đề án giám sát dịch tễ; bảo vệ và phát triển các loại rừng, cây xanh; chương trình khuyến nông, chuyển giao và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ cho các hộ sản xuất nông nghiệp...

Phải tính đến tác động của biến đổi khí hậu trong quá trình hình thành các vùng chuyên canh, tập trung, ví dụ giảm diện tích trồng lúa kém hiệu quả ở các vùng có nguy cơ bị tác động của biến đổi khí hậu để chuyển sang cây trồng khác; chuyển các vùng chuyên canh lúa về những địa bàn thuận lợi hơn...

#### *4.1.3. Thu hút FDI vào nông nghiệp theo hướng gắn thị trường trong nước với thị trường quốc tế*

Hiện tại, nước ta có quan hệ đối ngoại, quan hệ kinh tế với hơn 220 quốc gia và vùng lãnh thổ, các tổ chức kinh tế thế giới. Sau hơn bảy năm gia nhập WTO kinh tế nước ta hội nhập sâu và toàn diện vào kinh tế thế giới, thị trường Việt Nam là một bộ phận của thị trường toàn cầu. Để gắn kết thị trường trong nước với thị trường thế giới, chúng ta cần quy hoạch và phát triển một nền nông nghiệp phát huy được lợi thế, tiềm năng ở trong nước, đồng thời tranh thủ tối đa nguồn lực, tế mạnh của các chủ đầu tư nước ngoài về vốn, về công nghệ.

Nông nghiệp Việt Nam hiện mới chỉ xuất khẩu một số loại nông sản như gạo, ngô, hạt điều, cà phê, cao su... Đây là những sản phẩm thuộc thế mạnh của nông nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, nông nghiệp Việt Nam mới chỉ xuất khẩu thứ mình có chứ chưa tập trung được vào những sản phẩm mà thị trường khu vực và thị trường thế giới cần. Mặt khác, những sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu ở Việt Nam phần lớn ở dạng thô hoặc ít qua chế biến. Đó là do công nghệ chế biến nông sản ở Việt Nam còn rất kém phát triển. Thêm vào đó, những mặt hàng thời gian qua có tốc độ tăng trưởng về xuất khẩu nhanh lại là những mặt hàng mà sức tiêu thụ trên thị trường thế giới đang suy giảm. Đây là dấu hiệu cho thấy sự thiếu bền vững trong xuất khẩu của nông nghiệp Việt Nam và khả năng phản ứng, thích nghi với những biến động trên thị trường thế giới của Việt Nam rất chậm. Vì lẽ đó, trong điều kiện hiện nay, thu hút FDI vào nông nghiệp của Việt Nam cần ưu tiên cho công nghệ chế biến, trong trồng trọt, chăn

nuôi cần ưu tiên cho những doanh nghiệp FDI có đề án phát triển những giống cây trong vật nuôi có giá trị xuất khẩu cao, có năng lực cạnh tranh, có sức tiêu thụ lớn trên thị trường thế giới để nông nghiệp Việt Nam nhanh chóng hội nhập được với nền nông nghiệp thế giới.

#### *4.2. Một số giải pháp tăng cường thu hút FDI vào nông nghiệp Việt Nam*

*4.2.1. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương để lựa chọn, đề xuất các lĩnh vực, địa bàn ưu tiên đầu tư ngay từ khâu mời gọi và xúc tiến đầu tư*

Thu hút FDI trong nông nghiệp không chỉ là phạm vi của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn mà cần có sự phối hợp giữa các cơ quan, bộ ngành khác để tạo ra những chính sách thu hút đồng bộ... bên cạnh việc cải cách môi trường đầu tư cho từng ngành. Nhà đầu tư sẽ đánh giá mức độ coi trọng FDI của Nhà nước bằng cách theo dõi các cơ quan nhà nước phối hợp và hoạt động hiệu quả đến mức nào, từ đó dự tính khả năng thành công khi đầu tư. Do đó, muốn đạt hiệu quả thu hút FDI cao, các cơ quan nhà nước cần bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ hơn nữa trong nhiều lĩnh vực.

Vì vậy, các cơ quan, bộ, ngành cũng như các cấp chính quyền, địa phương phải phối hợp trong cải cách mạnh mẽ, tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi nhất có thể, giảm thiểu các thủ tục gây rườm rà, tốn kém cho doanh nghiệp đầu tư. Mặt khác, muốn thu hút hay giữ chân nhà đầu tư, ngoài hành lang pháp lý, môi trường đầu tư thông thoáng, còn cần tạo ra một đội ngũ các doanh nghiệp trong nước có thương hiệu và uy tín, có tư cách pháp nhân đầy đủ, bảo đảm độ tin cậy đứng ra hợp tác với nhà đầu tư nước ngoài, chứ không thể để diễn ra tình trạng nhà đầu tư hợp tác với các hộ nông dân đơn lẻ, thiếu cơ sở pháp lý căn bản, vì thế dẫn đến nhiều trường hợp không mang lại hiệu quả kinh tế.

*4.2.2. Có cơ chế ưu đãi trong giao quyền sử dụng đất cho các nhà đầu tư nước ngoài giống như giao quyền sử dụng đất cho các nhà đầu tư trong nước*

Luật đất đai hiện hành đã quy định các hình thức cho thuê hoặc góp vốn bằng đất để cùng kinh doanh nông nghiệp... Thời gian tới để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, Nhà nước cần nghiên cứu để thời gian thuê đất của các doanh nghiệp được kéo dài hơn, tiền thuê đất nên có những ưu đãi không chỉ các doanh nghiệp trong nước mà còn đối với các doanh nghiệp FDI. Những địa bàn

khó khăn về điều kiện kết cấu hạ tầng, thị trường cần có chính sách ưu đãi thoả đáng, như: khu vực miền núi phía Bắc, khu vực Tây Nguyên... Bên cạnh đó, những chính sách khác như: chính sách thuế, hỗ trợ xuất khẩu đối với những sản phẩm nông nghiệp của các doanh nghiệp FDI cũng cần được quan tâm.

#### *4.2.3. Bổ sung, sửa đổi chính sách ưu đãi đầu tư, đặc biệt là ưu đãi Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)*

Nguồn vốn FDI vào nông nghiệp thời gian qua hướng nhiều vào các lĩnh vực sử dụng lao động, sử dụng nhiều tài nguyên... trong khi đó FDI vào các lĩnh vực như kết cấu hạ tầng nông thôn, chế biến sau thu hoạch, dịch vụ trung gian, dịch vụ có giá trị gia tăng cao còn ít... Một trong những nguyên nhân hạn chế dòng vốn FDI vào nông nghiệp theo mong muốn là do các chính sách ưu đãi đầu tư tuy thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung nhưng còn dàn trải, chưa đủ sức hấp dẫn, chưa tập trung đúng mức vào những ngành, lĩnh vực và đối tác cần thu hút (Khánh Nguyên, 2014). Chẳng hạn như chính sách ưu đãi theo quy định của Luật Thuế TNDN đã bỏ ưu đãi cho các dự án sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp. Trong khi đó, mức ưu đãi theo quy định hiện hành lại chưa đủ sức hấp dẫn với ngành nghề, lĩnh vực khuyến khích đầu tư (thí dụ như công nghiệp chế biến nông sản phẩm sau thu hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn...). Ưu đãi thuế TNDN chỉ áp dụng đối với những doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư. Không được hưởng ưu đãi thuế TNDN như dự án đầu tư mới trong khi dự án đầu tư mở rộng còn có quy mô vốn lớn hơn nhiều so với vốn đăng ký ban đầu. Trên thực tế, một số nhà đầu tư đã tìm cách chuyển hướng đầu tư sang các nước khác để có thể được hưởng ưu đãi đầu tư hấp dẫn. Rõ ràng quy định này không phù hợp với chủ trương khuyến khích nhà đầu tư dùng lợi nhuận để tái đầu tư, đổi mới công nghệ mở rộng sản xuất, đặc biệt trong nông nghiệp. Vì vậy, cần có chính sách khuyến khích ưu đãi bằng thuế TNDN.

#### *4.2.4. Rà soát và bổ sung các văn bản pháp quy hiện hành liên quan đến sở hữu trí tuệ, bổ sung các văn bản còn thiếu nhằm dựng niềm tin cho các nhà đầu tư*

Các nhà đầu tư có uy tín trên thế giới đều rất coi trọng vấn đề thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa để bảo vệ quyền lợi của chính mình và quyền lợi của người tiêu dùng. Chính vì vậy, khi tìm hiểu

về một thị trường mới họ đều rất quan tâm đến hệ thống luật pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Việt Nam đã ban hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi và bổ sung năm 2009, ban hành nhiều văn bản cấp Chính phủ và cấp Bộ thực thi quyền sở hữu trí tuệ nhằm thu hút FDI, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế như Sáng kiến chung Việt Nam – Nhật Bản, Dự án Việt Nam – Thụy Sĩ, Chương trình hợp tác EC – ASEAN (ECAP),... Ngay từ năm 2005, Chính phủ Việt Nam đã cho phép thành lập Hiệp hội chống hàng giả. Tuy nhiên, pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam chưa có tính hệ thống, cần quy định thêm những vấn đề chưa được pháp luật điều chỉnh. Trong khi đó, tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang có xu hướng gia tăng.

Vì vậy, thời gian tới, để tăng cường thu hút FDI, bên cạnh việc bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp quy về sở hữu trí tuệ, Nhà nước cần có chương trình hành động thống nhất, đồng bộ ở phạm vi Quốc gia về thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

#### *4.2.5. Làm tốt công tác quy hoạch các vùng nguyên liệu, các địa bàn trồng trọt, chăn nuôi*

Cần sớm có quy hoạch vùng nguyên liệu, quy hoạch đối tượng trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề truyền thống... một cách có hệ thống và được công khai, minh bạch để làm cơ sở cho các nhà đầu tư lựa chọn thực hiện đầu tư được dễ dàng. Cơ cấu ngành nghề trong khu vực nông nghiệp, nông thôn cũng cần được xem xét để đảm bảo sự phát triển chuyên môn hóa các ngành.

Thực tế, khu vực nông thôn hiện nay vẫn còn thiếu quy hoạch chi tiết cho các khu vực phát triển nông nghiệp của các địa phương. Hầu hết các sản phẩm nông nghiệp từ các địa phương trên cả nước phần lớn còn phát triển tự phát. Điều này gây lúng túng cho các nhà đầu tư khi muốn thực hiện các hoạt động đầu tư vào khu vực này.

#### *4.2.6. Nâng cấp kết cấu hạ tầng để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mở rộng quy mô, đầu tư mới và ứng dụng khoa học công nghệ*

Ưu tiên xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn cho những khu vực khó khăn, như: Tây Bắc, Tây Nguyên và vùng núi miền Trung... Có như vậy, Chính phủ mới điều tiết được các nguồn vốn FDI vào các địa bàn, lĩnh vực mong muốn. Đồng thời, các nhà đầu tư cũng có thể phát huy được thế mạnh của mình trong từng lĩnh vực, địa bàn để có các phương án đầu tư hiệu quả.



#### 4.2.7. Làm tốt công tác quảng bá, xúc tiến mời gọi đầu tư

Cần tăng cường công tác truyền thông, quảng bá, xúc tiến, mời gọi các doanh nghiệp, đặc biệt là thu hút các nguồn vốn FDI vào khu vực nông nghiệp, nông thôn, làm sao để các nhà đầu tư nước ngoài nắm bắt đầy đủ các thông tin và những định hướng về chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với hoạt động đầu tư tại khu vực nông nghiệp, nông thôn. Theo tính toán, cứ một USD chi cho xúc tiến đầu tư sẽ làm tăng luồng vốn FDI thêm 189 USD. Khi xác định mục tiêu thực hiện xúc tiến đầu tư theo ngành, vốn FDI sẽ tăng 155% so với không xác định mục tiêu theo ngành. Điều này sẽ góp phần khẳng định chính sách nhất quán của Nhà nước trong việc đảm bảo tính pháp lý về quyền lợi của các doanh nghiệp, các nhà đầu tư nước ngoài trong khu vực này.

#### 4.2.8. Mở rộng chính sách bảo hiểm nông nghiệp nhằm tạo niềm tin cho các nhà đầu tư.

Do hoạt động sản xuất nông nghiệp thường diễn ra ở ngoài trời, trên không gian rộng lớn, chịu sự tác động trực tiếp của thời tiết và các quá trình tự nhiên, nên có độ rủi ro cao. Vì vậy, để hỗ trợ các nhà đầu tư, từ đó đạt được mục tiêu thu hút FDI vào nông nghiệp rất cần có chính sách bảo hiểm nông nghiệp rõ ràng, minh bạch, có sự hài hòa về lợi ích giữa người mua bảo hiểm và doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bảo hiểm. (Nguyễn Thị Chính và Phan Anh Tuấn, 2013).

Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc triển khai Bảo hiểm trong nông nghiệp thuận lợi ít, khó khăn nhiều. Đối tượng bảo hiểm trong nông nghiệp chủ yếu là cây và con. Năng suất đạt được chỉ có 03 phần phụ thuộc vào vốn, kỹ thuật nuôi trồng, còn tới 07 phần phụ thuộc vào thời tiết nên các doanh nghiệp bảo hiểm không “mặn mà” với lĩnh vực này. Vì vậy, để giải “bài toán” này rất cần sự phối hợp quan tâm của Chính phủ và sự góp sức của các cơ quan, ban, ngành, các tổ chức tài chính - ngân hàng, doanh nghiệp bảo hiểm... nhằm tạo môi trường thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp, nhà đầu tư mạnh dạn bỏ vốn, yên tâm đầu tư, chuyển giao kỹ thuật, thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong khu vực nông nghiệp, nông thôn.

#### 4.2.9. Thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng cho các dự án đầu tư vào nông nghiệp

Thực tế hiện nay, việc triển khai nhiều dự án FDI trong nông nghiệp đang gặp khó khăn, trong đó có nguyên nhân là do các chính sách hỗ trợ vốn tín

dụng cho các dự án này gần như không được áp dụng trong thực tiễn, do tâm lý cho rằng, chủ đầu tư không cần nguồn vốn tín dụng này, hoặc do thủ tục xin cấp vốn tín dụng quá phức tạp, thiếu minh bạch.

Hiện nay, các doanh nghiệp trong nước đầu tư vào nông nghiệp đang được hưởng 3 chế độ ưu đãi về tín dụng: vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và bảo lãnh tín dụng từ các ngân hàng có nguồn vốn nhà nước. Thực hiện chính sách bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, thực ra các doanh nghiệp FDI cũng là đối tượng được hưởng 3 ưu đãi này. Vì vậy thời gian tới, Nhà nước cần tạo điều kiện về thủ tục để các doanh nghiệp FDI được tiếp cận thuận lợi nguồn tín dụng ưu đãi này. (Khánh Nguyên, 2014).

#### 4.2.10. Nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lực lượng lao động trong khu vực nông nghiệp

Trong đào tạo nghề cho lực lượng lao động khu vực nông nghiệp cần quan tâm đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp FDI, phải xuất phát từ nhu cầu sử dụng lao động thực tế của các doanh nghiệp trên địa bàn và nhu cầu thực tế của người dân. Vì vậy, từng địa phương cần có những nghiên cứu đánh giá để nắm bắt các nhu cầu cụ thể của từng nghề, nhóm nghề, vị trí công việc... của các doanh nghiệp, trong đó quan tâm đúng mức tới nhu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài. Chính quyền các địa phương cần hỗ trợ các nhà đầu tư nước ngoài tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn đội ngũ lao động trực tiếp và lao động gián tiếp, bao gồm cả kiến thức ngoại ngữ, chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp. Phát triển hệ thống đào tạo nghề ở nông thôn, thông qua đào tạo thực hiện chuyển giao kỹ thuật, kiến thức kinh tế và kiến thức về thị trường cho người lao động tại chỗ.

### 5. Kết luận

Những nước có năng lực cạnh tranh thu hút FDI tốt thường là những quốc gia có môi trường đầu tư thông thoáng, với các cơ chế, chính sách thuận lợi. Đối với Việt Nam, để thu hút FDI vào nông nghiệp nhiều hơn nữa, hiện tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang tích cực xây dựng Dự thảo Đề án: “Tăng cường thu hút và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030”. Hy vọng rằng, bài viết này là 1 góp ý nhỏ cho việc hoàn thiện Đề án nói trên. □

## Tài liệu tham khảo

- ASEAN Investment Guidebook, 2009. ISBN 978 – 602 – 8411 – 31 - 8
- Đỗ Đức Bình (2013): “Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam: Những bất cập về chính sách và giải pháp thúc đẩy” Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 194, trang 3-9.
- Nguyễn Thị Chính và Phan Anh Tuấn (2013): “Hoạt động bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam và giải pháp phát triển” Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 190 (II), trang 80-85.
- Nguyễn Tiến Cui (2008): Chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Malaysia trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế thực trạng, kinh nghiệm và khả năng vận dụng vào Việt Nam. Luận án tiến sỹ kinh tế, ĐH Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- Thùy Dung (2014): “FDI nông nghiệp: Đừng đãi tiệc chính sách một ngày!” <http://www.thesaigontimes.vn/115075/FDI-nong-nghiep-Dung-dai-tiec-chinh-sach-mot-ngay!.html>
- Nguyễn Hạnh (2014): “Thu hút đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp: Cần chính sách hợp lý”. <http://baocongthuong.com.vn/doi-thoai/54880/thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-vao-nong-nghiep-can-chinh-sach-hop-ly.htm#.VCzJcVdHhXE>
- Đặng Đức Long (2007): “Chính sách thu hút FDI ở các nước ASEAN 5 từ sau khủng hoảng tài chính châu Á 1997”. Luận án Tiến sỹ kinh tế, chuyên ngành kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế, Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
- Phuong Ly (2013): “Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào nông nghiệp: Thực trạng và giải pháp”. [ncseif.gov.vn/sites/vie/Pages/thuhutvondaututruc-nd-16413.html](http://ncseif.gov.vn/sites/vie/Pages/thuhutvondaututruc-nd-16413.html)
- Lê Nết (2014): “Thu hút FDI: Bài học từ Thái Lan”. <http://nhipcoudautu.vn/article.aspx?id=20061-thu-hut-fdi-bai-hoc-tu-thai-lan>
- Trung Ngọc, Văn Hai và Quốc Vinh (2013): “Thu hút các dự án FDI vào nông nghiệp”. [http://www.nhandan.com.vn/mobile/\\_mobile\\_kinhte/\\_mobile\\_tintuc/item/20542402.html](http://www.nhandan.com.vn/mobile/_mobile_kinhte/_mobile_tintuc/item/20542402.html)
- Khánh Nguyên (2014): “Thu hút FDI trong nông nghiệp: Thiếu chính sách ưu đãi”. <http://channuoivietnam.com/thu-hut-fdi-trong-nong-nghiep-CC%A3p-thieu-chinh-sach-uu-da-CC%83i/>
- Chu Tiến Quang và Hà Huy Ngọc (2011): “Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực nông nghiệp thực trạng và chính sách”. <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2011/979/Dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-FDI-vao-linh-vuc-nong-nghiep.aspx>
- Lê Mai Trang và Hà Thị Cẩm Vân (2013): “Nông nghiệp, nông thôn: Vì sao chưa hấp dẫn FDI?”. <http://kinhte-vadubao.com.vn/xuc-tien-dau-tu/nong-nghiep-nong-thon-vi-sao-chua-hap-dan-fdi-1109.html>
- “Thái Lan, Dự thảo luật đất đai hà khắc”. <http://batdongsan.com.vn/bat-dong-san-the-gioi/thai-lan-du-thao-luat-dat-dai-ha-khac-ar38724>.
- Viện Chiến lược và chính sách tài chính (2014), “Tài chính Việt Nam 2013 – 2014: Cải cách thể chế, cân đối tài khoá”. Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội, 2014, trang 786.

## Promoting FDI attraction into Vietnam's agriculture

### Abstract:

*This article analyzes the current situation of attracting foreign direct investment (FDI) into Vietnam's agriculture sector, to indicate achieved results, shortages and the reasons. Based on reviewing experiences of Thailand and Malaysia, the article proposed three directions and ten measures for encouraging FDI attraction into the agriculture sector of Vietnam. The measures that should receive priority include setting up mechanism of cooperation among ministries, authorized agencies, and local governments in order to attract and choose potential projects; transferring the land used right to the investors as well to domestic peasants according to the recent laws and regulations; encouraging the protection of intellectual rights of investors; and making the policies of agricultural insurance favorable to the investors.*

### Thông tin tác giả:

**\*Đào Thị Phương Liên, Phó giáo sư, tiến sĩ**

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế chính trị, các học thuyết kinh tế, các vấn đề kinh tế - xã hội.
- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển; Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới; Tạp chí Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: [liendp@neu.edu.vn](mailto:liendp@neu.edu.vn)